SAO Y
Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước
Thời gian ký: 30/12/2021 16:45:21 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 51 /2021/QĐ-UBND	*Bình Phước, ngày 30 tháng 12 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Phước

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 3140/TTr-SXD ngày 01 tháng 11 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 2. Quyết định này thay thế Quyết định số 46/2017/QĐ-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2017 của UBND tỉnh ban hành quy định về quản lý dự án đầu tư xây

dựng trên địa bàn tỉnh Bình Phước và Quyết định số 30/2020/QĐ-UBND ngày 06 tháng 11 năm 2020 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Phước ban hành kèm theo Quyết định số 46/2017/QĐ-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2017 của UBND tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ngành: Xây dựng, Giao thông vận tải, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Nội vụ, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Ban quản lý Khu kinh tế; Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh; Kho bạc Nhà nước Bình Phước; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2022./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Xây dựng (b/c);
- Cục kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Vụ Pháp chế Bộ Xây dựng (b/c);
- TT. Tỉnh ủy; TT. HĐND tỉnh (b/c);
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh (b/c);
- UBMTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban thuộc HĐND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm CNTTTT;
- LĐVP, P: KT;
- Lưu: VT(Trí-XD105)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH

Trần Tuệ Hiền

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Về quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Phước

(kèm theo Quyết định số 51 /2021/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2021 của UBND tỉnh Bình Phước)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Phước gồm: Thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng; thẩm định, phê duyệt thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở và giấy phép xây dựng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị, người có thẩm quyền về quản lý dự án đầu tư xây dựng và tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến quản lý đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Chương II
THẨM ĐỊNH BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

Điều 3. Thẩm quyền thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng của cơ quan chuyên môn về xây dựng

1. Đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn đầu tư công, cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định đối với dự án thuộc chuyên ngành quản lý, cụ thể:

a) Các Sở: Xây dựng, Công thương, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì thẩm định các nội dung quy định tại khoản 15 Điều 1 của Luật số 62/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng (sau đây gọi tắt là Luật Xây dựng số 62) đối với dự án thuộc chuyên ngành quản lý được đầu tư xây dựng trên địa bàn hành chính của tỉnh (trừ dự án quy định tại điểm b khoản này và dự án quy định tại điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng (sau đây gọi tắt là Nghị định số 15/2021/NĐ-CP);

b) Ban Quản lý Khu kinh tế chủ trì thẩm định các nội dung quy định tại khoản 15 Điều 1 của Luật Xây dựng số 62 đối với dự án được đầu tư xây dựng trong phạm vi ranh giới quy hoạch được duyệt của các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế trên địa bàn hành chính của tỉnh (trừ dự án quy định tại điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị định số 15/2021/NĐ-CP);

c) Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc UBND cấp huyện chủ trì thẩm định các nội dung quy định tại khoản 15 Điều 1 của Luật Xây dựng số 62 đối với dự án do Chủ tịch UBND cấp huyện, Chủ tịch UBND cấp xã quyết định đầu tư.

2. Đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công, cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định đối với dự án do Chủ tịch UBND cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư hoặc dự án có quy mô nhóm B, dự án có công trình ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng thuộc chuyên ngành quản lý, cụ thể:

a) Các Sở: Xây dựng, Công thương, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định các nội dung quy định tại khoản 15 Điều 1 của Luật Xây dựng số 62 đối với dự án thuộc chuyên ngành quản lý được đầu tư xây dựng trên địa bàn hành chính của tỉnh (trừ dự án quy định tại điểm b, điểm c khoản này và dự án quy định tại điểm a khoản 2 Điều 13 của Nghị định số 15/2021/NĐ-CP);

b) Ban Quản lý Khu kinh tế thẩm định các nội dung quy định tại khoản 15 Điều 1 của Luật Xây dựng số 62 dự án đối với dự án được đầu tư xây dựng trong phạm vi ranh giới quy hoạch được phê duyệt của các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế trên địa bàn hành chính của tỉnh (trừ dự án quy định tại điểm a khoản 2 Điều 13 của Nghị định số 15/2021/NĐ-CP);

c) Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc UBND cấp huyện chủ trì thẩm định các nội dung quy định tại khoản 15 Điều 1 của Luật Xây dựng số 62 đối với dự án do Chủ tịch UBND cấp huyện, Chủ tịch UBND cấp xã quyết định đầu tư.

3. Đối với dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư (sau đây gọi tắt là dự án PPP), cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định đối với dự án thuộc chuyên ngành quản lý, cụ thể:

a) Các Sở: Xây dựng, Công thương, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định các nội dung quy định tại khoản 15 Điều 1 của Luật Xây dựng số 62 đối với chuyên ngành quản lý được đầu tư xây dựng trên địa bàn hành chính của tỉnh (trừ dự án quy định tại điểm b khoản này và dự án quy định tại điểm a khoản 3 Điều 13 của Nghị định số 15/2021/NĐ-CP);

b) Ban Quản lý Khu kinh tế thẩm định các nội dung quy định tại khoản 15 Điều 1 của Luật Xây dựng số 62 đối với dự án được đầu tư xây dựng trong phạm vi ranh giới quy hoạch được duyệt của các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế trên địa bàn hành chính của tỉnh (trừ dự án quy định tại điểm a khoản 3 Điều 13 của Nghị định số 15/2021/NĐ-CP).

4. Đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn khác, cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định đối với dự án đầu tư xây dựng nhà ở, khu đô thị có yêu cầu thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư, dự án có công trình ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng thuộc chuyên ngành quản lý, cụ thể:

a) Các Sở: Xây dựng, Công thương, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định các nội dung quy định tại khoản 15 Điều 1 của Luật Xây dựng số 62 thuộc chuyên ngành quản lý được đầu tư xây dựng trên địa bàn hành chính của tỉnh (trừ dự án quy định tại điểm b khoản này và dự án quy định tại điểm a khoản 4 Điều 13 của Nghị định số 15/2021/NĐ-CP);

b) Ban Quản lý Khu kinh tế thẩm định các nội dung quy định tại khoản 15 Điều 1 của Luật Xây dựng số 62 đối với dự án được đầu tư xây dựng trong phạm vi ranh giới quy hoạch được phê duyệt của các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế trên địa bàn hành chính của tỉnh (trừ dự án quy định tại điểm a khoản 4 Điều 13 của Nghị định số 15/2021/NĐ-CP).

Điều 4. Thời gian thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng của cơ quan chuyên môn về xây dựng

1. Thời gian thẩm định được tính từ ngày cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

2. Thời gian thẩm định đối với dự án nhóm B không quá 13 ngày, đối với dự án nhóm C không quá 8 ngày.

Chương III

THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ

Điều 5. Thẩm quyền thẩm định thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở của cơ quan chuyên môn về xây dựng

1. Đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn đầu tư công, cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định bước thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở đối với công trình xây dựng thuộc chuyên ngành quản lý, cụ thể:

a) Các Sở: Xây dựng, Công thương, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì thẩm định các nội dung quy định tại khoản 26 Điều 1 của Luật Xây dựng số 62 đối với dự án thuộc chuyên ngành quản lý được đầu tư xây dựng trên địa bàn hành chính của tỉnh (trừ dự án quy định tại điểm b khoản này và dự án quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 36 của Nghị định số 15/2021/NĐ-CP);

b) Ban Quản lý Khu kinh tế chủ trì thẩm định các nội dung quy định tại khoản 26 Điều 1 của Luật Xây dựng số 62 đối với dự án được đầu tư xây dựng trong phạm vi ranh giới quy hoạch được phê duyệt của các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế trên địa bàn hành chính của tỉnh (trừ dự án quy định tại điểm a khoản 1 Điều 36 của Nghị định số 15/2021/NĐ-CP);

c) Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc UBND cấp huyện chủ trì thẩm định các nội dung quy định tại khoản 26 Điều 1 của Luật Xây dựng số 62 đối với dự án do Chủ tịch UBND cấp huyện, Chủ tịch UBND cấp xã quyết định đầu tư.

2. Đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công, cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định bước thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở đối với công trình xây dựng thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư hoặc có quy mô nhóm B, dự án có công trình ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng, thuộc chuyên ngành quản lý, cụ thể:

a) Các Sở: Xây dựng, Công thương, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định các nội dung quy định tại khoản 26 Điều 1 của Luật Xây dựng số 62 đối với chuyên ngành quản lý được đầu tư xây dựng trên địa bàn hành chính của tỉnh (trừ dự án quy định tại điểm b,điểm c khoản này và dự án quy định tại điểm a khoản 2 Điều 36 của Nghị định số 15/2021/NĐ-CP);

b) Ban Quản lý Khu kinh tế thẩm định các nội dung quy định tại khoản 26 Điều 1 của Luật Xây dựng số 62 đối với dự án được đầu tư xây dựng trong phạm vi ranh giới quy hoạch được phê duyệt của các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế trên địa bàn hành chính của tỉnh;

c) Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc UBND cấp huyện chủ trì thẩm định các nội dung quy định tại khoản 26 Điều 1 của Luật Xây dựng số 62 đối với dự án do Chủ tịch UBND cấp huyện, Chủ tịch UBND cấp xã quyết định đầu tư.

3. Đối với dự án PPP, cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định bước thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở đối với công trình xây dựng thuộc chuyên ngành quản lý, cụ thể:

a) Các Sở: Xây dựng, Công thương, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định các nội dung quy định tại khoản 26 Điều 1 của Luật Xây dựng số 62 đối với dự án được đầu tư xây dựng trên địa bàn hành chính của tỉnh (trừ dự án quy định tại điểm b khoản này và dự án quy định tại điểm a khoản 3 Điều 36 của Nghị định số 15/2021/NĐ-CP);

b) Ban Quản lý Khu kinh tế thẩm định các nội dung quy định tại khoản 26 Điều 1 Luật Xây dựng số 62 đối với dự án được đầu tư xây dựng trong phạm vi ranh giới quy hoạch được phê duyệt của các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế trên địa bàn hành chính của tỉnh (trừ dự án quy định tại điểm a khoản 3 Điều 36 của Nghị định số 15/2021/NĐ-CP).

4. Đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn khác, cơ quan chuyên môn về xây dựng chỉ thẩm định công trình xây dựng thuộc chuyên ngành quản lý đối với công trình thuộc dự án có công trình ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng được xây dựng tại khu vực không có quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng hoặc quy hoạch chi tiết điểm dân cư nông thôn, cụ thể:

a) Các Sở: Xây dựng, Công thương, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định các nội dung quy định tại khoản 26 Điều 1 của Luật Xây dựng số 62 đối với chuyên ngành quản lý được đầu tư xây dựng trên địa bàn hành chính của tỉnh (trừ dự án quy định tại điểm b khoản này và dự án quy định tại điểm a khoản 4 Điều 36 của Nghị định số 15/2021/NĐ-CP);

b) Ban Quản lý Khu kinh tế thẩm định các nội dung quy định tại khoản 26 Điều 1 của Luật Xây dựng số 62 đối với dự án được đầu tư xây dựng trong phạm vi ranh giới quy hoạch được phê duyệt của các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế trên địa bàn hành chính của tỉnh (trừ dự án quy định tại điểm a khoản 4 Điều 36 của Nghị định số 15/2021/NĐ-CP).

Điều 6. Thời gian thẩm định thiết kế công trình xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở của cơ quan chuyên môn về xây dựng

1. Thời gian thẩm định được tính từ ngày cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

2. Thời gian thẩm định thiết kế công trình không quá 15 ngày.

Chương IV
THẨM ĐỊNH DỰ ÁN CHỈ YÊU CẦU LẬP BÁO CÁO KINH TẾ - KỸ THUẬT ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

Điều 7. Thẩm quyền thẩm định dự án chỉ yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng của cơ quan chuyên môn về xây dựng

1. Đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn đầu tư công, cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định đối với dự án thuộc chuyên ngành quản lý, cụ thể

a) Các Sở: Xây dựng, Công thương, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì thẩm định các nội dung quy định tại khoản 15 và khoản 26 Điều 1 của Luật Xây dựng số 62 đối với dự án thuộc chuyên ngành quản lý được đầu tư xây dựng trên địa bàn hành chính của tỉnh (trừ dự án quy định tại điểm b khoản này và dự án quy định tại điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị định số 15/2021/NĐ-CP);

b) Ban Quản lý Khu kinh tế chủ trì thẩm định các nội dung quy định tại khoản 15 và khoản 26 Điều 1 của Luật Xây dựng số 62 đối với dự án được đầu tư xây dựng trong phạm vi ranh giới quy hoạch được phê duyệt của các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế trên địa bàn hành chính của tỉnh do UBND tỉnh quyết định đầu tư (trừ dự án quy định tại điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị định số 15/2021/NĐ-CP);

c) Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc UBND cấp huyện chủ trì thẩm định các nội dung quy định tại khoản 15 và khoản 26 Điều 1 của Luật Xây dựng số 62 đối với dự án do Chủ tịch UBND cấp huyện, Chủ tịch UBND cấp xã quyết định đầu tư.

2. Đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công, cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định đối với dự án do Chủ tịch UBND cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư, dự án có công trình ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng thuộc chuyên ngành quản lý, cụ thể:

a) Các Sở: Xây dựng, Công thương, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định các nội dung quy định tại khoản 15 và khoản 26

Điều 1 của Luật Xây dựng số 62 đối với dự án thuộc chuyên ngành quản lý được đầu tư xây dựng trên địa bàn hành chính của tỉnh (trừ dự án quy định tại điểm b, điểm c khoản này và dự án quy định tại điểm a khoản 2 Điều 13 của Nghị định số 15/2021/NĐ-CP);

b) Ban Quản lý Khu kinh tế thẩm định các nội dung quy định tại khoản 15 và khoản 26 Điều 1 của Luật Xây dựng số 62 đối với dự án được đầu tư xây dựng trong phạm vi ranh giới quy hoạch được phê duyệt của các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế trên địa bàn hành chính của tỉnh (trừ dự án quy định tại điểm a khoản 2 Điều 13 của Nghị định số 15/2021/NĐ-CP);

c) Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc UBND cấp huyện chủ trì thẩm định các nội dung quy định tại khoản 15 và khoản 26 Điều 1 của Luật Xây dựng số 62 đối với dự án do Chủ tịch UBND cấp huyện, Chủ tịch UBND cấp xã quyết định đầu tư.

3. Đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn khác, cơ quan chuyên môn về xây dựng chỉ thẩm định công trình xây dựng thuộc chuyên ngành quản lý đối với công trình thuộc dự án có công trình ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng được xây dựng tại khu vực không có quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng hoặc quy hoạch chi tiết điểm dân cư nông thôn, cụ thể:

a) Các Sở: Xây dựng, Công thương, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định các nội dung quy định khoản 26 Điều 1 của Luật Xây dựng số 62 thuộc chuyên ngành quản lý được đầu tư xây dựng trên địa bàn hành chính của tỉnh (trừ dự án quy định tại điểm b khoản này và dự án quy định tại điểm a khoản 4 Điều 36 của Nghị định số 15/2021/NĐ-CP);

b) Ban Quản lý Khu kinh tế thẩm định các nội dung quy định tại khoản 26 Điều 1 của Luật Xây dựng số 62 đối với dự án được đầu tư xây dựng trong phạm vi ranh giới quy hoạch được phê duyệt của các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế trên địa bàn hành chính của tỉnh (trừ dự án quy định tại điểm a khoản 4 Điều 36 của Nghị định số 15/2021/NĐ-CP).

Điều 8. Thời gian thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng của cơ quan chuyên môn về xây dựng

1. Thời gian thẩm định được tính từ ngày cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

2. Thời gian thẩm định không quá 15 ngày.

Chương V
GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

Điều 9. Quy định về thẩm quyền cấp, điều chỉnh, gia hạn, cấp lại và thu hồi giấy phép xây dựng

1. Giao Sở Xây dựng cấp giấy phép xây dựng đối với công trình xây dựng cấp đặc biệt, cấp I, cấp II, công trình xây dựng trên phạm vi 02 (hai) địa bàn hành

chính cấp huyện trở lên đối với công trình thuộc đối tượng có yêu cầu phải cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh, trừ công trình quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Giao Ban Quản lý Khu kinh tế cấp giấy phép xây dựng đối với các công trình xây dựng trong ranh giới các quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cáo đã được UBND tỉnh giao cho Ban Quản lý Khu kinh tế quản lý theo quy định phải có giấy phép xây dựng.

3. UBND cấp huyện cấp giấy phép xây dựng theo quy định tại khoản 37 Điều 1 Luật Xây dựng số 62.

4. Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng quy định tại các khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này có thẩm quyền điều chỉnh, gia hạn, cấp lại và thu hồi giấy phép xây dựng do mình cấp.

a) Trường hợp giấy phép xây dựng đã được cấp, khi đề nghị điều chỉnh, gia hạn, cấp lại mà đã có sự thay đổi về thẩm quyền do quy định của pháp luật hoặc do điều chỉnh quy mô, cấp công trình thì cơ quan theo thẩm quyền quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này thực hiện việc điều chỉnh, gia hạn, cấp lại giấy phép xây dựng. Cơ quan cấp giấy phép xây dựng trước đó có trách nhiệm cung cấp hồ sơ, tài liệu có liên quan đến việc cấp giấy phép xây dựng đã cấp cho cơ quan thẩm quyền quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này;

b) Trường hợp giấy phép xây dựng hết thời gian gia hạn mà chưa khởi công xây dựng thì chủ đầu tư phải nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng mới. Thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng mới theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này.

5. Trường hợp các cơ quan quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này không thu hồi giấy phép xây dựng do mình cấp không đúng quy định thì UBND tỉnh trực tiếp quyết định thu hồi giấy phép xây dựng.

Điều 10. Quy định về quy mô, thời hạn tồn tại của công trình, nhà ở riêng lẻ áp dụng cho trường hợp cấp giấy phép xây dựng có thời hạn

1. Quy mô công trình xây dựng, nhà ở riêng lẻ áp dụng cho trường hợp cấp giấy phép xây dựng có thời hạn tối đa không quá 1 (một) tầng đối với trường hợp đề nghị cấp giấy phép xây dựng mới. Trường hợp đề nghị cấp giấy phép sửa chữa, cải tạo thì chỉ được sửa chữa, cải tạo phần kiến trúc và hoàn thiện, không sửa chữa, cải tạo phần kết cấu của công trình, nhà ở.

2. Không cấp giấy phép xây dựng có thời hạn cho những công trình và nhà ở riêng lẻ có thiết kế tầng hầm.

3. Cơ quan cấp giấy phép xây dựng tự xem xét kế hoạch thực hiện quy hoạch phân khu xây dựng, quy hoạch chi tiết xây dựng để xem xét quyết định thời hạn tồn tại của công trình hoặc nhà ở riêng lẻ được cấp giấy phép xây dựng có thời hạn.

Chương VI
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 11. Trách nhiệm thi hành

1. Giao các Sở: Xây dựng, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công thương; Ban Quản lý Khu kinh tế chủ trì tổ chức thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở của dự án đầu tư xây dựng công trình thuộc chuyên ngành, cụ thể:

a) Sở Xây dựng đối với dự án, công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng dân dụng; dự án đầu tư xây dựng khu đô thị, khu nhà ở; dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu chức năng; dự án đầu tư xây dựng công nghiệp nhẹ, công nghiệp vật liệu xây dựng, hạ tầng kỹ thuật và đường bộ trong đô thị (trừ đường quốc lộ qua đô thị);

b) Sở Giao thông vận tải đối với dự án, công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông (trừ dự án, công trình do Sở Xây dựng quản lý quy định tại điểm a khoản này);

c) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với dự án, công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn;

d) Sở Công thương đối với dự án, công trình thuộc thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình công nghiệp (trừ dự án, công trình do Sở Xây dựng quản lý quy định tại điểm a khoản này);

đ) Ban quản lý Khu kinh tế đối với các dự án, công trình được đầu tư xây dựng tại khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế được giao quản lý.

2. Giao Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc UBND cấp huyện chủ trì tổ chức thực hiện thẩm định đối với các dự án đầu tư xây dựng do UBND cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư, cụ thể:

a) Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc UBND thị xã và UBND thành phố là phòng Quản lý đô thị;

b) Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc UBND huyện là phòng Kinh tế và Hạ tầng.

3. Trong quá trình thẩm định, trường hợp cần thiết, cơ quan chuyên môn được giao chủ trì thẩm định được yêu cầu người đề nghị thẩm định lựa chọn tổ chức các nhân có đủ điều kiện năng lực để thẩm tra các nội dung cần thiết phục vụ thẩm định theo quy định tại khoản 8 Điều 15 của Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

4. Công trình xây dựng ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng phải được tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực hoạt động xây dựng thẩm tra thiết kế xây dựng về nội dung an toàn công trình, sự tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật làm cơ sở cho việc thẩm định.

5. Các dự án, công trình xây dựng phục vụ quốc phòng, an ninh, thẩm quyền, trình tự thẩm định tổng mức đầu tư xây dựng trong Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng, thẩm quyền, trình tự thẩm định, phê duyệt dự toán xây dựng trong thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an.

6. Đối với dự án có công năng phục vụ hỗn hợp, thẩm quyền chủ trì thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng được xác định theo chuyên ngành quản lý quy định tại khoản 1 Điều này đối với công năng phục vụ công trình chính của dự án hoặc công trình chính có cấp cao nhất trong trường hợp dự án có nhiều công trình chính.

7. Cơ quan, tổ chức được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án hoặc chủ đầu tư (trong trường hợp đã xác định được chủ đầu tư) tổ chức lập, thẩm định và phê duyệt dự toán chi phí chuẩn bị dự án quy định tại khoản 1 Điều 10 của Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 9/2/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng (trừ các trường hợp quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 10 của Nghị định số 10/2021/NĐ-CP).

8. Cơ quan chủ trì thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng có trách nhiệm tổng hợp kết quả thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng; ý kiến, kết quả thẩm định, thẩm duyệt của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có) trình người quyết định đầu tư phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng.

9. Chủ đầu tư có trách nhiệm tổng hợp kết quả thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở của cơ quan chuyên môn về xây dựng, văn bản của các cơ quan tổ chức có liên quan làm cơ sở để chủ đầu tư phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở. Kết quả phê duyệt của chủ đầu tư được thể hiện tại Quyết định phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở theo quy định tại Mẫu số 07 Phụ lục I của Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

10. Giao thẩm quyền phê duyệt Quyết định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình cho: Giám đốc các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành và Trưởng Ban quản lý Khu kinh tế quy định tại khoản 1 Điều này phê duyệt dự án chỉ yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư xây dựng của Chủ tịch UBND tỉnh.

11. Trường hợp phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc UBND cấp huyện không thực hiện (do vượt quá khả năng hoặc không đủ điều kiện năng lực thực hiện) công tác thẩm định dự án đầu tư xây dựng do UBND cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư thì UBND cấp huyện trình đề nghị Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành thẩm định theo chuyên ngành quản lý được quy định tại khoản 1 Điều này.

12. Cơ quan được giao chủ trì thẩm định các dự án PPP, thực hiện thẩm định các nội dung theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư PPP. Cơ quan chủ trì thẩm định có trách nhiệm tổng hợp kết quả thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng; ý kiến, kết quả thẩm định, thẩm duyệt của cơ

quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có) trình người quyết định đầu tư phê duyệt dự án, quyết định đầu tư xây dựng.

13. Cơ quan chủ trì thẩm định dự án đầu tư xây dựng có trách nhiệm lấy ý kiến góp ý của các Sở, ban, ngành và UBND cấp huyện có liên quan. Trong thời hạn 08 ngày đối với dự án nhóm B và 05 ngày đối với dự án nhóm C, kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến của cơ quan chủ trì thẩm định, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản góp ý về hồ sơ thẩm định. Nếu quá thời hạn trên mà cơ quan được lấy ý kiến không trả lời bằng văn bản, thì cơ quan chủ trì thẩm định xem như cơ quan được lấy ý kiến đã thống nhất với hồ sơ thẩm định.

Điều 12. Quy định chuyển tiếp

1. Dự án đầu tư xây dựng đã được phê duyệt trước ngày Quy định này có hiệu lực thi hành thì không phải phê duyệt lại, các hoạt động tiếp theo chưa được thực hiện thì thực hiện theo quy định của Quyết định này và các quy định khác có liên quan.

2. Công trình thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở, dự toán xây dựng công trình, hạng mục công trình của dự án đã được cơ quan chuyên môn về xây dựng thông báo kết quả thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì không phải thẩm định lại, việc thực hiện các bước tiếp theo thực hiện theo quy định của Quyết định này và các quy định khác có liên quan.

Điều 13. Tổ chức thực hiện

1. Các Sở: Giao Thông vận tải, Công thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Ban quản lý Khu kinh tế, UBND cấp huyện, định kỳ báo cáo kết thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình, cấp giấy phép xây dựng về Sở Xây dựng để tổng hợp, theo dõi và báo cáo cơ quan có thẩm quyền theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng.

2. Các nội dung khác không được quy định tại Quy định này thì thực hiện theo Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020; Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng và các quy định khác có liên quan.

3. Những quy định về nội dung liên quan đến giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh trái với quy định này đều bãi bỏ.

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các cơ quan, tổ chức gửi ý kiến về Sở Xây dựng để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.